

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG
NGHIỆP BẢO THỤ**

Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
A. Tài sản ngắn hạn	100		500,025,168,634	463,683,486,927
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		3,431,244,583	10,518,334,990
1. Tiền	111	V.01	3,431,244,583	10,518,334,990
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		468,630,542,955	414,496,485,288
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	24,166,019,734	30,093,254,188
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03a	210,912,842,137	186,823,405,519
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	231,364,697,623	195,392,842,120
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(463,829,000)	(463,829,000)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	2,650,812,461	2,650,812,461
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.07	6,657,511,637	21,181,034,063
1. Hàng tồn kho	141		6,657,511,637	21,181,034,063
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		21,305,869,459	17,487,632,585
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	931,197,336	16,943,939
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16,001,048,123	13,097,064,646
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15b	4,373,624,000	4,373,624,000
B. Tài sản dài hạn	200		315,728,785,970	308,807,140,347
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		2,196,582,995	12,593,364,655
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	2,913,871,650	13,310,653,310
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	2,398,181,000	2,398,181,000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.06	(3,115,469,655)	(3,115,469,655)
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		32,892,707,803	31,280,481,259
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	8,449,055,751	5,774,061,726
- Nguyên giá	222		10,588,846,190	7,655,620,209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2,139,790,439)	(1,881,558,483)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	24,443,652,052	25,506,419,533
- Nguyên giá	225		25,506,419,533	25,506,419,533
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1,062,767,481)	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		272,297,806,085	256,586,675,144
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	272,297,806,085	256,586,675,144
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		8,341,689,086	8,346,619,289
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	8,341,689,086	8,346,619,289
2. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		815,753,954,604	772,490,627,274

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016




Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
C. Nợ phải trả	300		214,075,025,347	172,158,066,171
I. Nợ ngắn hạn	310		200,373,945,347	145,883,345,961
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	26,881,725,780	34,196,815,744
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	13,721,592,857	8,322,726,648
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15a	27,443,269,293	24,132,882,644
4. Phải trả người lao động	314		983,288,348	1,326,078,125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	62,027,004,445	56,275,541,983
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	29,131,095,057	15,673,370,052
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	40,185,969,568	5,955,930,765
II. Nợ dài hạn	330		13,701,080,000	26,274,720,210
1. Phải trả người bán dài hạn	331		13,000,000,000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	701,080,000	26,274,720,210
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.19	601,678,929,256	600,332,561,103
I. Vốn chủ sở hữu	410		601,678,929,256	600,332,561,103
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		576,800,000,000	576,800,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		576,800,000,000	576,800,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21,631,390,779	20,285,022,626
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20,285,022,626	9,409,298,925
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1,346,368,154	10,875,723,701
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3,247,538,477	3,247,538,477
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		815,753,954,603	772,490,627,274

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Đình Việt
Người lập biểu

Trần Thanh Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 04 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		31,902,306,287	31,496,695,342
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		1,894,430	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	31,900,411,857	31,496,695,342
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	19,369,300,732	22,597,190,649
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12,531,111,125	8,899,504,693
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	19,315,501	60,476,105
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	243,684,830	219,963,463
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		235,812,792	219,963,463
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	6,219,497,695	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	3,520,237,367	1,775,927,951
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,567,006,735	6,964,089,384
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32	VI.07	130,016,991	193,409,919
14. Lợi nhuận khác / (lỗ)	40		(130,016,991)	(193,409,919)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,436,989,744	6,770,679,465
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1,090,621,590	1,591,622,112
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,346,368,154	5,179,057,353

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

ngqlut

Nguyễn Đình Việt
 Người lập biểu

Thanh Sơn

Trần Thanh Sơn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 04 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2,436,989,744	6,770,679,465
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1,320,999,437	104,692,325
Các khoản dự phòng	03	-	-
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	3,837,098	352,897,277
Chi phí lãi vay	06	235,812,792	219,963,463
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3,997,639,071	7,448,232,530
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(46,641,259,484)	1,950,505,993
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	14,523,522,426	-
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	31,060,351,665	26,882,202,144
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(909,323,194)	(505,886,000)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả,	14	(235,812,792)	(219,963,463)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(129,761,746)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1,795,117,691	35,425,329,458
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(18,644,356,922)	(25,460,279,870)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(3,837,098)	60,471,105
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18,648,194,020)	(25,399,808,765)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	17,830,000,000	550,000,000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(8,064,014,079)	(2,033,336,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9,765,985,921	(1,483,336,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(7,087,090,408)	8,542,184,693
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10,518,334,990	1,014,646,642
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3,431,244,583	9,556,831,335

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

ngheut

Nguyễn Đình Việt
 Người lập biểu

Thanh Sơn



Trần Thanh Sơn
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 04 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Công nghiệp Bảo Thư ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3400555146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29/5/2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 14 ngày 11/5/2015.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là BII kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2014 theo Quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 467/QĐ-SGDHN ngày 29/8/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Công ty là 328 tỷ đồng

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Bao Thu Industrial Development and Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: BIDICO.

Trụ sở chính đặt tại: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Chi nhánh tại TP.HCM và Chi nhánh Đồng Nai.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác - sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác, chế biến khoáng sản); Bốc xếp hàng hóa; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn gạo; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn tổng hợp; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻ bền; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Bán buôn cao su, phân bón, hóa chất (trừ bán buôn thuốc BVTV); Bán buôn đá quý, đá bán quý, đá mỹ nghệ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn VLXD, vật liệu làm gốm sứ); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đại lý vận tải biển); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (cho thuê MMTB xây dựng);

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn MMTB và phụ tùng máy khác (bán buôn MMTB và phụ tùng máy xe cơ giới; bán buôn thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn thực phẩm (bán buôn thủy sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác (sản xuất cát, đá); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất trong tư); Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

- Đối với hoạt động xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp: trên 12 tháng
- Đối với hoạt động khác: trong vòng 12 tháng

5. Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng số các Công ty con: 11 Công ty.
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 7 Công ty.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 4 Công ty (do chưa góp vốn và chưa đi vào hoạt động).
- Số lượng Công ty liên kết không được hợp nhất: 1 Công ty (do chưa góp vốn và chưa đi vào hoạt động).

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	CCN Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV BĐS và XD Bình Thuận	Cụm CN Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Xây dựng, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thư Gò Dầu	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Xây dựng, dịch vụ	80.00%	80.00%
Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	Cụm CN Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty TNHH Vận tải Thắng Hải	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Dịch vụ	52.00%	52.00%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Thôn Bàu Diên (Cụm CN Thắng Hải), xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH Nông sản Việt Xanh	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Sản xuất, dịch vụ	52.00%	52.00%

Danh sách các Công ty con không được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Trồng trọt Công nghệ cao Đồng Nai	Số 242, hẻm 25, đường Võ Thị Sáu, khu 12, xã Long Đức, Long Thành, Đồng Nai	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Pigment & Nano Titan Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Khai thác, xây dựng, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Bình Thuận	Cụm CN Tân Bình, xã Tân Bình, thị xã Lagi, Bình Thuận	Khai thác, chế biến, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng WIBAWA Bảo Thư	A4-02 khu Nam Thiên 1, đường Phạm Thái Bường, phường Tân Phong, quận 7, TP.HCM	Xây dựng, khai thác, dịch vụ	52.00%	52.00%

Danh sách các Công ty liên kết

Công ty TNHH Titan Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	28.00%	28.00%
-------------------------------	---	---	--------	--------

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. **Kỳ kế toán năm:** bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Trong năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Cho năm tài chính 2015, Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. **Hợp nhất báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư và các Công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản trong công ty con được mua thì chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là tối đa không quá mười năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn từ hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn từ hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 10 năm
Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải	05 - 08 năm
Dụng cụ quản lý	03 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê

Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ
- Chi phí quyền khai thác khoáng sản cát tận thu tại CCN Thăng Hải 2
- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
 - Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn
Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

13. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp được ghi nhận một lần khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Công ty cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

21. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

22. Số liệu so sánh

Nhóm Công ty không lập báo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 do chưa triển khai hoạt động góp vốn đến các công ty con, nên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 không có số liệu so sánh cho thời kỳ trước, và số dư đầu năm (01/01/2015) là số dư theo số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thủ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
1. Tiền		
Tiền mặt	513,751,809	219,545,727
Tiền gửi ngân hàng	2,917,492,774	10,298,789,263
Cộng	3,431,244,583	10,518,334,990
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty TNHH MTV CN KS Bình Thuận BTC		-
- Công ty TNHH Năng lượng Xanh KSA		-
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	17,534,000,000	
- Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận		28,614,120,000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6,632,019,734	1,479,134,188
Cộng	24,166,019,734	30,093,254,188
3. Trả trước cho người bán		
a) Ngắn hạn		
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	61,850,309,011	59,099,001,577
- Công ty TNHH DV VT XD Á Châu	4,344,717,211	3,905,512,042
- Công ty TNHH Nguyên liệu Gốm Sứ - Xây dựng Thiên Lợi	75,000,000,000	75,000,000,000
- Công ty CP Dịch vụ XNK Nhật Minh	12,000,000,000	6,500,000,000
- Công ty TNHH Vận tải Thăng Hải	5,394,800,000	
- Công ty TNHH VLXD Phước Bình	40,000,000,000	40,000,000,000
- Trả trước nhà cung cấp khác	12,323,015,915	2,318,891,900
Cộng	210,912,842,137	186,823,405,519
3. Trả trước cho người bán (tiếp theo)		
b) Dài hạn		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Trung tâm Quy hoạch và Đầu tư Tài nguyên Nước	1,265,000,000	1,265,000,000
- Công ty TNHH Chế biến Zircon Bình Thuận		10,000,000,000
- Công ty TNHH SX SX TM Hoàng Thông	1,263,192,000	1,263,192,000
- Trả trước nhà cung cấp khác	385,679,650	782,461,310
Cộng	2,913,871,650	13,310,653,310

4. Phải thu khác	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016		Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Phải thu Công ty TNHH Năng lượng Xanh KSA liên quan đến khoản trả trước do không tiếp tục thực hiện hợp đồng	15,704,000,000	-	15,704,000,000	-
- Khoản ứng vốn đến Ông Phan Châu liên quan	648,150,000	-	648,150,000	-
- Các khoản cho mượn tiền đến các tổ chức	15,839,375,656	-	8,059,801,033	-
- Phải thu các bên liên quan	5,114,185,381	-	-	-
- Các khoản cho mượn tiền đến các Cá nhân	209,000,000	-	209,000,000	-
- Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	237,200,000	-	237,200,000	-
- Các khoản tạm ứng	189,072,191,249	-	167,610,302,733	-
- Thuế GTGT liên quan đến TSCĐ thuế tài chính	1,962,136,100	-	2,348,636,363	-
- Thuế GTGT chờ kê khai		-	551,532,091	-
- Phải thu khác	2,578,459,237	-	24,219,900	-
Cộng	231,364,697,623	-	195,392,842,120	-
b) Dài hạn				
- Khoản ký quỹ cho Hợp đồng thuê tài chính	2,215,520,000	-	2,215,520,000	-
- Ký quỹ, đặt cọc dài hạn	182,661,000	-	182,661,000	-
Cộng	2,398,181,000	-	2,398,181,000	-

5. Tài sản thiếu chờ xử lý	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
- Tài sản thiếu chờ xử lý liên quan đến khu cảng Lagi chưa được tập hợp đầy đủ hóa đơn, chứng từ (Thuyết minh tại mục V.10.2)	1,450,812,461	1,450,812,461
- Tài sản thiếu chờ xử lý liên quan đến khoản góp vốn mua cổ phần tại Anata Bình Định	1,200,000,000	1,200,000,000
Cộng	2,650,812,461	2,650,812,461

6. Nợ xấu	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016			Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	463,829,000	-	TT Quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước	463,829,000	-	TT quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước
- Các khoản trả trước người bán quá hạn từ 1- 2 năm	390,367,310	-	Các đối tượng khác			
	1,263,192,000	-	Công ty TNHH SX XD TM Hoàng Thông	1,263,192,000	-	Công ty TNHH SX XD TM Hoàng Thông
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 3 năm	1,265,000,000	-	TT Quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước			
	392,094,000	-	Các đối tượng khác	380,817,740	-	Các đối tượng khác
Cộng	3,774,482,310	-		2,107,838,740	-	

Số dư đầu năm	(3,579,298,655)
Tăng (do trích lập dự phòng)	-
Giảm (do xóa nợ)	-
Số dư cuối năm	(*) (3,579,298,655)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Hàng tồn kho	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016		Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Thành phẩm	103,373,923	-	103,373,923	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	185,612,397	-	185,612,397	-
- Hàng hóa	6,368,525,317	-	20,892,047,743	-
Cộng	6,657,511,637	-	21,181,034,063	-

8. Tài sản cố định thuê tài chính	Số dư tại ngày 01/01/2016	Tăng	Giảm	Số dư tại ngày 31/03/2016
Nguyên giá	-	25,506,419,533	-	25,506,419,533
Khấu hao	-	1,062,767,481	-	1,062,767,481
Giá trị còn lại	-	-	-	24,443,652,052

Tài sản cố định thuê tài chính tăng kể từ ngày 23/12/2015 là 10 chiếc ô tô đầu kéo Huyndai và 10 Mooc ben tự đổ theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00226-000 ngày 20/11/2015. Thời hạn thuê là 60 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Số dư đầu năm	2,587,838,391	2,791,150,000	2,231,290,909	45,340,909	7,655,620,209
Mua trong năm	127,509,254	1,184,584,000	1,621,132,727	-	2,933,225,981
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/03/2016	2,715,347,645	3,975,734,000	3,852,423,636	45,340,909	10,588,846,190
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	868,948,605	566,453,686	429,783,085	16,373,108	1,881,558,483
Khấu hao trong năm	60,834,415	111,880,311	79,938,820	5,578,410	258,231,956
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/03/2016	929,783,020	678,333,997	509,721,905	21,951,518	2,139,790,439
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1,718,889,786	2,224,696,314	1,801,507,824	28,967,801	5,774,061,726
Số dư tại ngày 31/03/2016	1,785,564,625	3,297,400,003	3,342,701,731	23,389,391	8,449,055,751

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
Mô Cát trắng	-	-
Mô Cát xây dựng Tân Hà	-	-
Nhà máy Cát	22,016,985,918	20,443,044,636
Cụm công nghiệp Thăng Hải I	64,239,892,648	64,171,892,648
Cụm công nghiệp Thăng Hải II	95,652,877,965	95,652,877,965
Cụm công nghiệp Tân Bình	4,249,049,700	3,631,535,154
Xưởng chế biến Đá Thạch Anh	-	-
Khu chuyên tải Lagi - Bình Thuận	(*) 66,284,893,060	66,284,893,060
Chi phí xây dựng và mua sắm máy móc thiết bị	18,892,758,863	5,515,320,909
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	961,347,931	887,110,772
Cộng	272,297,806,085	256,586,675,144

(*) Bao gồm:	Giá trị ban đầu	Giá trị đã chuyển nhượng	Tài sản thiếu chờ xử lý	Khấu hao đến 31/03/2016	Giá trị còn lại đến 31/03/2016
Quyền sử dụng đất	9,571,758,800	(7,513,659,992)	-	(297,045,189)	1,761,053,619
Vật kiến trúc trên đất, bao gồm:					
- Tài sản khu dịch vụ đất Cảng Lagi	32,033,148,574	-	-	-	32,033,148,574
- Tài sản khác:					

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

+ Liên quan đến Cảng Lagi	32,440,287,867				32,440,287,867
+ Tài sản chờ xử lý	1,450,812,461	(1,450,812,461)			
- Chi phí xây dựng	50,403,000				50,403,000
Cộng	75,546,410,702	(7,513,659,992)	(1,450,812,461)	(297,045,189)	66,284,893,060

	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
12. Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ	931,197,336	16,943,939
b) Dài hạn		
- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ	7,000,060,927	7,000,060,927
- Chi phí quyền khai thác khoáng sản cát tận thu tại CCN Thăng Hải 2	1,311,489,900	1,311,489,900
- Công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ	30,138,259	35,068,462
Cộng	8,341,689,086	8,346,619,289

	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016		Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
13. Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận	-	-	28,941,000,000	-
- Công ty TNHH Năng lượng xanh KSA	15,704,000,000	-	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	11,177,725,780	11,177,725,780	5,255,815,744	5,255,815,744
Cộng	26,881,725,780	11,177,725,780	34,196,815,744	5,255,815,744

	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
- Công ty TNHH MTV CN KS Bình Thuận BTC	7,885,000,000	7,885,000,000
- Các khách hàng khác	5,836,592,857	437,726,648
Cộng	13,721,592,857	8,322,726,648

	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016
15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	7,451,158,431	2,200,000,000	-	9,651,158,431
- Thuế TNDN	8,367,138,010	1,090,621,590	-	9,457,759,600
- Thuế TNCN	84,505,171	63,955,059	39,190,000	109,270,230
- Tiền thuê đất	561,029,480	-	-	561,029,480
- Thuế tài nguyên	1,836,900,830	-	-	1,836,900,830
- Thuế khác	-	-	5,000,000	(5,000,000)
- Các khoản phạt và chậm nộp thuế	5,832,150,722	-	-	5,832,150,722
Cộng	24,132,882,644	3,354,576,649	44,190,000	27,443,269,293
b) Phải thu				
- Ứng tiền làm cơ sở hạ tầng	-	-	3,370,000,000	(3,370,000,000)
- Ứng tiền thi công hệ thống đèn chiếu sáng và hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Thăng Hải	-	-	1,000,000,000	(1,000,000,000)
- Thuế Xuất khẩu	-	3,394,523,412	3,398,147,412	(3,624,000)
Cộng	-	3,394,523,412	7,768,147,412	(4,373,624,000)

	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
16. Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải I liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	13,213,829,846	13,213,829,846
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải II liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	23,779,248,760	23,779,248,760
- Tiền thuê đất CCN Thăng Hải I và II phải trả	19,167,940,077	19,167,940,077
- Chi phí lãi vay phải trả	-	4,715,600

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Chi phí dịch vụ phải trả khác	5,865,985,762	109,807,700
Cộng	62,027,004,445	56,275,541,983

	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
17. Phải trả ngắn hạn khác		
- Tài sản thừa chờ xử lý phát sinh từ chênh lệch công nợ	427,308,981	427,308,981
- Phải trả Bà Nguyễn Thị Mai liên quan đến khoản tiền mượn	14,025,658,537	2,679,923,537
- Phải trả Ông Nguyễn Văn Dũng liên quan đến khoản tiền mượn	1,200,000,000	1,200,000,000
- Phải trả Công ty CP SX XNK Ánh Lửa Việt	100,000,000	100,000,000
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải I	1,293,041,952	1,293,041,952
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải II	6,803,933,715	6,803,933,715
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5,281,151,872	3,169,161,868
Cộng	29,131,095,057	15,673,370,052

	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015		Trong kỳ		Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
- NH NN&PTNT	-	-	11,330,000,000	-	11,330,000,000	11,330,000,000
Cộng	-	-	11,330,000,000	-	11,330,000,000	11,330,000,000
b) Vay dài hạn						
- NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (1)	303,200,000	303,200,000	-	32,520,000	270,680,000	270,680,000
- NH TMCP Phát triển TP.HCM (2)	8,003,894,079	8,003,894,079	-	8,003,894,079	-	-
- NH TMCP XNK Việt Nam (3)	458,000,000	458,000,000	-	27,600,000	430,400,000	430,400,000
- Nợ thuê tài chính tại VILC (4)	23,465,556,896	23,465,556,896	-	1,109,597,328	22,355,959,568	22,355,959,568
- NH TMCP Sài Gòn	-	-	6,500,000,000	-	6,500,000,000	6,500,000,000
Cộng	32,230,650,975	32,230,650,975	6,500,000,000	9,173,611,407	29,557,039,568	29,557,039,568

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh HCM theo hợp đồng tín dụng số SME/HCM/14/0134/HĐTĐ ngày 07/4/2014 với số tiền vay là 520 triệu đồng; thời hạn vay 48 tháng, đến 07/4/2018. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô Ford Everest. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2015: 12,5%/năm; sau đó sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn cộng biên độ 5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc được hoàn trả thành 48 kỳ bắt đầu từ ngày 07/5/2014. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là 303.200.000 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 130.080.000 đồng (*).

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 487/2014/HĐTĐTDH-DN ngày 15/7/2014 và các khế ước nhận nợ với số tiền vay là 18 tỷ đồng; thời hạn vay: 84 tháng theo từng khế ước nhận nợ; thời hạn trả nợ gốc là 72 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2015: 12,5%/năm. Mục đích vay: đầu tư nhà máy chế biến cát Bình Thuận và bổ sung vốn lưu động được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận; Tài sản gắn liền với đất toàn bộ giá trị xây dựng của nhà máy chế biến cát, máy móc thiết bị, dây chuyền chế biến cát; quyền khai thác cát tại Mỏ cát trắng; Quyền tài sản phát sinh từ quyền sử dụng 488.337 m2 đất tại KCN Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận; Quyền đòi nợ từ các hợp đồng cho thuê đất của Công ty; quyền sử dụng 44.587 m2 đất tại phường Bình Tân, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là 8.003.894.079 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 1.413.432.000 đồng (*).

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh HCM theo hợp đồng tín dụng 2000-LAV-201500479 ngày 02/02/2015 với số tiền vay là 550 triệu đồng; thời hạn vay 60 tháng; Lãi suất vay tại ngày 31/12/2015 là 9%/năm; Mục đích vay đầu tư mua xe ô tô Ford Everest. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến 31/12/2015 là 458.000.000 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 110.400.000 đồng (*).

(4) Nợ thuê tài chính:

Bên cho thuê:
 Bên bảo lãnh:

Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC)
 Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thời hạn thuế:	60 tháng
Lãi suất thuế:	8,3%/năm
Phương thức trả tiền thuế:	Thanh toán sau mỗi tháng
Giá trị mua lại:	138.098.000 VND

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2016	tăng	giảm	31/03/2016
Vốn góp của chủ sở hữu	576,800,000,000		-	576,800,000,000
LNST chưa phân phối	20,285,022,626	1,346,368,154		21,631,390,780
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	3,247,538,477		-	3,247,538,477
Cộng	597,085,022,626	1,346,368,154	-	601,678,929,256

b) Cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57,680,000	57,680,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57,680,000	57,680,000
+ Cổ phiếu phổ thông	57,680,000	57,680,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57,680,000	57,680,000
+ Cổ phiếu phổ thông	57,680,000	57,680,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/03/2015
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	31,902,306,287	
- Doanh thu hoạt động cho thuê đất	-	31,496,695,342
Cộng doanh thu	31,902,306,287	31,496,695,342
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại (thanh lý hợp đồng cho thuê đất)	1,894,430	
Cộng	31,904,200,717	31,496,695,342
2. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	19,369,300,732	
- Giá vốn hoạt động cho thuê đất		22,597,190,649
Cộng	19,369,300,732	22,597,190,649
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	3,837,098	60,476,105
- Lãi chênh lệch tỷ giá	15,478,403	
Cộng	19,315,501	60,476,105
4. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	235,787,866	219,963,463
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	7,896,964	
Cộng	243,684,830	219,963,463
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	509,509,179	
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1,075,102,481	
- Chi phí bảo hành	79,800,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,555,086,035		
- Chi phí khác bằng tiền			
Cộng	6,219,497,695		
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/03/2015	
- Chi phí nhân viên quản lý	1,223,624,208		
- Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	61,088,915		
- Chi phí khấu hao TSCĐ	58,519,039		
- Thuế, phí và lệ phí	28,276,000		
- Chi phí dự phòng	-		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,775,687,844		
- Chi phí khác bằng tiền	373,041,361		
Cộng	3,520,237,367		
7. Chi phí khác	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/03/2015	
- Chi phí khác	193,409,919		
Cộng	193,409,919		
8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh tại:	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/03/2015	
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư	81,558,260		
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	1,009,063,330		
Cộng	1,090,621,590		
9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/03/2015	
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1,346,368,154	5,179,057,353	
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông			
- Các khoản điều chỉnh tăng			
- Các khoản điều chỉnh giảm			
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1,346,368,154	5,179,057,353	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	57,680,000	32,800,000	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	158	

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nhóm Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Bà Nguyễn Thị Mai	Nhà đầu tư	Phải trả khác	(14,025,658,537)
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	Phải trả khác	(1,200,000,000)

3. Thông tin so sánh

Số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2016 đã được trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính do có sự thay đổi trong Chế độ kế toán doanh nghiệp.

4. Các cam kết

Công ty cam kết thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển quyền sử dụng đất tại khu chuyên tài Lagi đến Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Bình Thuận liên quan đến 35.000 m² đất đã chuyển nhượng trong năm 2010.

5. Quản lý rủi ro tài chính

5.1 Rủi ro thị trường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỤ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

a. Rủi ro giá

Nhóm Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nắm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

b. Rủi ro tiền tệ

Trong năm tài chính này, Nhóm Công ty không chịu bất kỳ một khoản rủi ro tiền tệ liên quan đến tỷ giá quy đổi do không có hoạt động kinh doanh nào thể hiện bằng đồng ngoại tệ.

c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công ty tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay, các khoản vay của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tài sản có lãi suất	31/12/2015	Biến động lãi suất 2% (*)
- Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn	-	-
- Cho vay	-	-
Cộng	-	-
Nợ phải trả có lãi suất		
- Các khoản vay	40,887,049,568	817,740,991
Cộng	40,887,049,568	817,740,991
Chênh lệch		(817,740,991)

(*) Biến động lãi suất 2% = tổng số dư Tài sản có lãi suất - tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2%.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là **(664.613.020) đồng**.

5.2 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Nhóm Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Nhóm Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Nhóm Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Nhóm Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Nhóm Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phải sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 31/12/2015	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
- Các khoản vay và nợ	40,185,969,568	701,080,000	40,887,049,568
- Phải trả người bán	26,881,725,780	-	26,881,725,780
- Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	104,158,099,501	-	104,158,099,501
Cộng	171,225,794,849	701,080,000	171,926,874,849

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là tương đối. Nhóm Công ty tin tưởng có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Nhóm Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất cho các khoản vay dài hạn (thuyết minh tại mục số 9 và 18 - phần V - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là giá trị của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Nhóm Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Nhóm Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Nhóm Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Nhóm Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Nhóm Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Nhóm Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Nhóm Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Nhóm Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 424.243.853.827 đồng Việt Nam.

Nguyễn Đình Việt
Người lập biểu

Trần Thanh Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 04 năm 2016